

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chính.
2. Ông Phạm Công Uẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1759/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Bích T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Mũi Tràm, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ Phát Tài 2, tổ 2, khu phố An Thành, phường Thái Hòa, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Mai Minh Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 100 tổ 37, khu phố 4, phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Phạm Bích T trình bày: Bà T và ông Mai Minh Đ tự nguyện đến với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay bà T xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Mai Hải T, sinh ngày 19/10/2015. Ly hôn, bà T đồng ý giao con cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến bị đơn trình bày như sau: Ông Đ có đơn xin vắng mặt và trong bản tự khai ông Đ trình bày như sau:

Ông Đ và bà Phạm Bích T tự nguyện đến với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cương quyết ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Mai Hải T, sinh ngày 19/10/2015. Sau khi ly hôn, ông Đ và bà T đã thỏa thuận giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Mai Minh Đ hiện đang sinh sống tại số nhà 100 tổ 37, khu phố 4, phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông Đ, bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà

T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ.

- Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Mai Hải T, sinh ngày 19/10/2015. ông Đ và bà T đã thỏa thuận giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đăng cho ông Đ nuôi dưỡng. Bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Minh Đ hiện đang sinh sống tại số nhà 100 tổ 37, khu phố 4, phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông Đ, bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà T thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thường xuyên gây gổ nhau. Tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ, ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Mai Minh Đ.

[3] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Mai Hải T, sinh ngày 19/10/2015. ông Đ và bà T đã thỏa thuận giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu Đăng cho ông Đ nuôi dưỡng. Bà T

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Phạm Bích T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207, Điều 271, Điều 273 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Bích T. Bà Phạm Bích T được ly hôn với ông Mai Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Hải T, sinh ngày 19/10/2015 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0008441 ngày 06/7/2023. Bà T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P.Tân Hạnh,
Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu

